

Phụ lục II
BỘ CHỈ SỐ CHUYÊN ĐỔI SỐ CÁC XÃ, THỊ TRẤN

(Kèm theo Quyết định số: 8883/QĐ-UBND ngày 30/9/2024 của UBND huyện)

1. Thông tin chung:

STT	Nội dung	Số liệu
1.	Tên địa phương	
2.	Số lượng dân số	
3.	Số lượng dân số trong độ tuổi lao động	
4.	Số lượng hộ gia đình	
5.	Số lượng thôn, xóm và tương đương	
6.	Số lượng CBCC cấp xã	
7.	Số lượng công chức chuyên trách CNTT/ATTT, chuyên đổi số cấp xã	
8.	Số lượng công chức kiêm nhiệm CNTT/ATTT, chuyên đổi số cấp xã	
9.	Số lượng máy chủ vật lý	
10.	Số lượng máy trạm	
11.	Số lượng hệ thống thông tin	
12.	Số lượng doanh nghiệp thuộc địa bàn quản lý	
13.	Số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc địa bàn quản lý	
14.	Số lượng điểm phục vụ bưu chính trên địa bàn	
15.	Tổng chi Ngân sách nhà nước trong năm	
16.	Số lượng DVC	
17.	Số lượng DVCTT toàn trình	
18.	Số lượng DVCTT một phần	
19.	Đầu mối liên hệ (Họ và tên, bộ phận công tác)	
20.	Số điện thoại	

2. Bảng chỉ tiêu chi tiết

TT	Chỉ số chính/Chỉ số thành phần/Tiêu chí	Cách tính điểm	Tài liệu chứng minh	Điểm tối đa	Tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
	Tổng cộng			575			
1	Nhận thức số			50			
1.1	Người đứng đầu xã, thị trấn là Trưởng Ban chỉ đạo chuyển đổi số của xã, thị trấn	<ul style="list-style-type: none"> - Trưởng ban là người đứng đầu địa phương: Điểm tối đa - Trưởng ban không phải là người đứng đầu địa phương: 0 điểm 	Văn bản, tài liệu chứng minh	10			
1.2	Số cuộc họp, hội nghị chuyên đề về chuyển đổi số do người đứng đầu xã, thị trấn chủ trì	<ul style="list-style-type: none"> - Đủ 04 cuộc họp trong năm: Điểm tối đa - Số cuộc họp/4 * điểm tối đa 	Văn bản, tài liệu chứng minh	10			
1.3	Người đứng đầu xã, thị trấn là thành viên Ban Chỉ đạo chuyển đổi số huyện, tham dự các buổi họp Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số huyện	<ul style="list-style-type: none"> - Tham dự đầy đủ: Điểm tối đa - Tham dự không đầy đủ: Không tham dự 01 lần trừ 02 điểm) 	Văn bản, tài liệu chứng minh	10			
1.4	Tổ chức các hội thảo, hội nghị cho cán bộ lãnh đạo, công chức, viên chức cấp xã về chuyển đổi số	<ul style="list-style-type: none"> - Có tổ chức hội nghị, hội thảo về chuyển đổi số trong năm: Điểm tối đa - Không tổ chức: 0 điểm 	Văn bản, tài liệu chứng minh	10			
1.5	Phát động phong trào thi đua chuyển đổi số trong toàn xã, thị trấn. Lựa chọn, vinh danh, khen thưởng cho các điển hình tiên tiến về chuyển đổi số	<ul style="list-style-type: none"> - Có thực hiện: Điểm tối đa - Không thực hiện: 0 điểm 	Văn bản, tài liệu chứng minh	10			

TT	Chỉ số chính/Chỉ số thành phần/Tiêu chí	Cách tính điểm	Tài liệu chứng minh	Điểm tối đa	Tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
2	Thẻ chế số			50			
2.1	Nghị quyết, chỉ thị, kế hoạch chuyên đề của đảng ủy xã, thị trấn về chuyển đổi số	- Có thực hiện: <i>Điểm tối đa</i> - Không thực hiện: <i>0 điểm</i>	Văn bản, tài liệu chứng minh	10			
2.2	Kế hoạch, chương trình hoặc đề án về chuyển đổi số địa phương giai đoạn 05 năm	- Đã ban hành theo đúng nội dung, thời gian quy định: <i>Điểm tối đa</i> - Ban hành trễ không quá 10 ngày: $\frac{1}{2} * \text{điểm tối đa}$ - Ban hành trễ quá 10 ngày hoặc không ban hành: <i>0 điểm</i>	Văn bản, tài liệu chứng minh	10			
2.3	Kế hoạch, chương trình hoặc đề án hàng năm về chuyển đổi số	- Đã ban hành theo đúng nội dung, thời gian quy định: <i>Điểm tối đa</i> - Ban hành trễ không quá 05 ngày: $\frac{1}{2} * \text{điểm tối đa}$ - Ban hành trễ quá 05 ngày hoặc không ban hành: <i>0 điểm</i>	Văn bản, tài liệu chứng minh	10			
2.4	Ban hành văn bản đơn đốc cán bộ, công chức, đơn vị trực thuộc triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số	- Đã ban hành kịp thời: <i>Điểm tối đa</i> - Chưa ban hành: <i>0 điểm</i>	Văn bản, tài liệu chứng minh	10			
2.5	Báo cáo đầy đủ, kịp thời về tình hình, tiến độ thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số (hàng tháng)	- Có báo cáo: <i>Điểm tối đa</i> - Không báo cáo: <i>0 điểm</i>	Văn bản, tài liệu chứng minh	10			

TT	Chỉ số chính/Chỉ số thành phần/Tiêu chí	Cách tính điểm	Tài liệu chứng minh	Điểm tối đa	Tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
3	Hạ tầng số, dữ liệu số			20			
3.1	Tỷ lệ hộ gia đình có máy tính hoặc điện thoại thông minh	<p>$a =$ Số lượng hộ gia đình có máy tính hoặc điện thoại thông minh</p> <p>$b =$ Tổng số hộ gia đình của huyện/thị xã/thành phố</p> <p>- Tỷ lệ $= a/b$</p> <p>- Điểm = Tỷ lệ * điểm tối đa</p>	Văn bản, tài liệu chứng minh	10			
3.2	UBND xã, thị trấn đã kết nối với Mạng TSLCD cấp II	<p>- Có thực hiện: Điểm tối đa</p> <p>- Không thực hiện: 0 điểm</p>	Văn bản, tài liệu chứng minh	10			
4	Nhân lực số			65			
4.1	Công chức chuyên trách, kiêm nhiệm về An toàn thông tin mạng có trình độ từ cao đẳng CNTT/ATTT trở lên	<p>- Có: Điểm tối đa</p> <p>- Không: 0 điểm</p>	Văn bản, tài liệu chứng minh	5			
4.2	Công chức, viên chức chuyên trách/kiêm nhiệm CNTT/ATTT tham gia các buổi họp, hội thảo, hội nghị chuyên đề về CNTT, chuyển đổi số do các cấp tổ chức	<p>- Tham dự đầy đủ, đúng thành phần: Điểm tối đa</p> <p>- Tham dự không đầy đủ: Tỷ lệ * điểm tối đa</p> <p>- Không tham dự, tham dự không đúng thành phần: 0 điểm</p>	Văn bản, tài liệu chứng minh	10			
4.3	Chương trình, kế hoạch đào tạo, tập huấn về chuyển đổi số, kỹ năng số cho CBCCVC trong năm	<p>- Có: Điểm tối đa</p> <p>- Không: 0 điểm</p>	Văn bản, tài liệu chứng minh	10			

TT	Chỉ số chính/Chỉ số thành phần/Tiêu chí	Cách tính điểm	Tài liệu chứng minh	Điểm tối đa	Tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
4.4	Chương trình, kế hoạch đào tạo, tập huấn về kỹ năng sử dụng và khai thác các dịch vụ công trực tuyến, các dữ liệu mở cho người dân và doanh nghiệp	- Có: Điểm tối đa - Không: 0 điểm	Văn bản, tài liệu chứng minh	10			
4.5	Tỷ lệ CBCCVC được tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng số, kỹ năng sử dụng, khai thác các hệ thống thông tin trong năm	- 100%: điểm tối đa - Dưới 100%: Tỷ lệ * điểm tối đa	Văn bản, tài liệu chứng minh	10			
4.6	Tỷ lệ người dân được tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng số, kỹ năng sử dụng, khai thác các hệ thống thông tin	Tỷ lệ * Điểm tối đa	Văn bản, tài liệu chứng minh	10			
4.7	Tổ công nghệ số cộng đồng đến mức xã, thôn, xóm và tổ chức triển khai các hoạt động trong năm	- Có thực hiện: Điểm tối đa - Không thực hiện: 0 điểm	Văn bản, tài liệu chứng minh	10			
5	An toàn, an ninh mạng			50			
5.1	Số lượng máy trạm được cài đặt phần mềm diệt vi rút bản quyền	- 100% được cài đặt: Điểm tối đa - Dưới 100%: Tỷ lệ * điểm tối đa	Văn bản, tài liệu chứng minh	10			
5.2	Triển khai công tác an toàn, an ninh mạng cho các hệ thống thông tin theo mô hình 04 lớp	- Có: Điểm tối đa - Không: 0 điểm	Văn bản, tài liệu chứng minh	10			
5.3	Tổ chức phổ biến các quy định của pháp luật và quy định của cơ quan về an toàn, an ninh thông tin cho các CBCCVC ngay khi nhận thông tin (không quá 03 ngày)	- Phổ biến kịp thời: Điểm tối đa - Chưa kịp thời: 0 điểm	Văn bản, tài liệu chứng minh	10			

TT	Chỉ số chính/Chỉ số thành phần/Tiêu chí	Cách tính điểm	Tài liệu chứng minh	Điểm tối đa	Tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
5.4	Tham dự lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực thực hành, diễn tập tác chiến về an toàn, an ninh thông tin	- Tham dự đầy đủ, đúng thành phần: Điểm tối đa - Tham dự không đầy đủ, không đúng thành phần: 0 điểm	Văn bản, tài liệu chứng minh	10			
5.5	Tỷ lệ CBCCVC được đào tạo về kỹ năng ATTT	Tỷ lệ * Điểm tối đa	Văn bản, tài liệu chứng minh	10			
6	Tuyên truyền, phổ biến, tập huấn về chuyển đổi số			40			
6.1	Có chuyên mục về Chuyển đổi số trên Trang thông tin điện tử của xã, thị trấn	- Có chuyên mục: Điểm tối đa - Không có chuyên mục: 0 điểm	Văn bản, tài liệu chứng minh	10			
6.2	Chuyên mục Chuyển đổi số cập nhật đầy đủ văn bản của Chính phủ, tỉnh, địa phương về Chuyển đổi số	- Cập nhật đầy đủ, kịp thời: Điểm tối đa. - Cập nhật không đầy đủ, kịp thời: 0 điểm	Văn bản, tài liệu chứng minh	5			
6.3	Có các tài liệu tuyên truyền (quyển, tờ rơi, video clip) về Chuyển đổi số, chính quyền số, chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước	- Có thực hiện: Điểm tối đa - Không thực hiện: 0 điểm	Văn bản, tài liệu chứng minh	5			
6.4	Hệ thống đài truyền thanh có chuyên mục riêng về chuyển đổi số	- Có: điểm tối đa. - Không: 0 điểm.	Văn bản, tài liệu chứng minh	10			

TT	Chỉ số chính/Chỉ số thành phần/Tiêu chí	Cách tính điểm	Tài liệu chứng minh	Điểm tối đa	Tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
6.5	Tần suất hệ thống truyền thanh cơ sở phát sóng chuyên mục riêng về chuyển đổi số	- Tần suất phát sóng từ 1 lần/1 tuần: Điểm tối đa - Tần suất phát sóng từ 1 tháng/1 lần/12 tháng: $\frac{1}{2} * \text{điểm tối đa}$ - Tần suất phát sóng dưới 1 tháng/1 lần: 0 điểm	Văn bản, tài liệu chứng minh	10			
7	Chính quyền số			130			
7.1	<i>Thư điện tử</i>						
	Tỷ lệ CBCCVN đã được cấp hộp thư điện tử có sử dụng thường xuyên trong công việc /Tổng số CBCCVN có hộp thư	- 100% sử dụng: Điểm tối đa - Dưới 100%: Tỷ lệ * điểm tối đa	Văn bản, tài liệu chứng minh	10			
7.2	<i>Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành</i>						
	Văn bản đi/đến được tham mưu, xét duyệt trên phần mềm	- 100%: điểm tối đa - Dưới 100%: 0 điểm	Văn bản, tài liệu chứng minh	10			
7.3	<i>Chữ ký điện tử, chữ ký số</i>						
	Văn bản đi có đầy đủ chữ ký số	- 100%: Điểm tối đa - Dưới 100%: 0 điểm	Văn bản, tài liệu chứng minh	10			
7.4	<i>Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)</i>			50			
7.4.1	Rà soát, cung cấp đầy đủ DVC trực tuyến toàn trình, một phần theo quy định	- Cung cấp đầy đủ, kịp thời: Điểm tối đa - Cung cấp chưa đầy đủ, kịp thời: 0 điểm	Văn bản, tài liệu chứng minh	(10)			

TT	Chỉ số chính/Chỉ số thành phần/Tiêu chí	Cách tính điểm	Tài liệu chứng minh	Điểm tối đa	Tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
7.4.2	Tỷ lệ DVCTT mức độ 4 hoặc toàn trình	<p>$a =$ Số lượng dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 hoặc toàn trình;</p> <p>$b =$ Số lượng dịch vụ công đủ điều kiện lên trực tuyến mức độ 4 hoặc toàn trình;</p> <p>- Tỷ lệ = a/b</p> <p>- Điểm:</p> <p>+ 100%: Điểm tối đa</p> <p>+ Dưới 100%: 0 điểm</p>	Văn bản, tài liệu chứng minh	(10)			
7.4.3	Tỷ lệ DVCTT phát sinh hồ sơ trực tuyến/Tổng số DVCTT trực tuyến một phần và toàn trình có phát sinh hồ sơ (trực tuyến và trực tiếp)	<p>- Tỷ lệ = $(c+d)/(a+b)$</p> <p>- Điểm = Tỷ lệ * Điểm tối đa</p>	Văn bản, tài liệu chứng minh	(10)			
	- Tổng số DVCTT mức 3 (một phần) có phát sinh hồ sơ (cả trực tuyến và không trực tuyến) (a)						
	- Tổng số DVCTT mức 4 (toàn trình) có phát sinh hồ sơ (cả trực tuyến và không trực tuyến) (b)						
	- Tổng số DVCTT mức 3 có phát sinh hồ sơ trực tuyến (c)						
	- Tổng số DVCTT mức 4 có phát sinh hồ sơ trực tuyến (d)						
7.4.4	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến	<p>- Tỷ lệ = $(b+c)/a$</p> <p>- Điểm:</p> <p>+ Tỷ lệ $\geq 80\%$: Điểm tối đa</p> <p>+ Tỷ lệ $< 80\%$: Tỷ lệ/80% * Điểm tối đa</p>	Văn bản, tài liệu chứng minh	(10)			
	Tổng số hồ sơ giải quyết DVC (gồm cả 4 mức độ) trong năm (a)						
	Tổng số hồ sơ giải quyết trực tuyến của DVCTT mức độ 3 (một phần) (b)						
	Tổng số hồ sơ giải quyết trực tuyến của DVCTT mức độ 4 (toàn trình) (c)						

TT	Chỉ số chính/Chỉ số thành phần/Tiêu chí	Cách tính điểm	Tài liệu chứng minh	Điểm tối đa	Tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
7.4.5	Triển khai các giải pháp đề nâng cao tỷ lệ giải quyết hồ sơ trực tuyến	- Có: <i>Điểm tối đa</i> - Không: <i>0 điểm</i>	Văn bản, tài liệu chứng minh	(10)			
7.5	<i>Bru chính công ích</i>			20			
7.5.1	Tỷ lệ DVC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận hoặc trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI trên tổng số DVC đăng ký thực hiện BCCI	<i>Tỷ lệ * Điểm tối đa</i>	Văn bản, tài liệu chứng minh	(10)			
7.5.2	Tỷ lệ hồ sơ được tiếp nhận, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI trên tổng số hồ sơ DVC phát sinh trong năm	<i>Tỷ lệ * Điểm tối đa</i>	Văn bản, tài liệu chứng minh	(10)			
7.6	<i>Trang Thông tin điện tử (TTĐT)</i>			30			
7.6.1	Cập nhật thông tin về cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan và đơn vị trực thuộc	- <i>Cập nhật đầy đủ, kịp thời: Điểm tối đa</i> - <i>Cập nhật không đầy đủ, kịp thời: 0 điểm</i>	Đường dẫn đến nội dung liên quan trên Cổng/trang TTĐT	(5)			
7.6.2	Cập nhật các thông tin theo quy định như: Thông tin chỉ đạo điều hành; lịch làm việc; số điện thoại liên hệ... thông tin phổ biến, hướng dẫn thực hiện pháp luật, chế độ, chính sách đối với những lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của địa phương	- <i>Cập nhật đầy đủ, kịp thời: Điểm tối đa</i> - <i>Cập nhật không đầy đủ, kịp thời: 0 điểm</i>	Đường dẫn đến nội dung liên quan trên Cổng/trang TTĐT	(5)			
7.6.3	Chiến lược, định hướng, quy hoạch ngành, kế hoạch phát triển KTXH, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng; thông tin dự án, hạng mục đầu tư, đầu thầu, mua sắm công	- <i>Cập nhật đầy đủ, kịp thời: Điểm tối đa</i> - <i>Cập nhật không đầy đủ, kịp thời: 0 điểm</i>	Đường dẫn đến nội dung liên quan trên Cổng/trang TTĐT	(5)			

TT	Chỉ số chính/Chỉ số thành phần/Tiêu chí	Cách tính điểm	Tài liệu chứng minh	Điểm tối đa	Tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
7.6.4	Giao diện thân thiện, dễ nhìn, dễ tìm kiếm thông tin, tra cứu văn bản; có chuyên mục DVC và liên kết đến Cổng DVC tỉnh	- <i>Có chức năng đầy đủ: Điểm tối đa</i> - <i>Không đầy đủ: 0 điểm</i>	Đường dẫn đến nội dung liên quan trên Cổng/trang TTĐT	(5)			
7.6.5	Chuyên mục Hỏi – Đáp	- <i>Có: Điểm tối đa</i> - <i>Không: 0 điểm</i>	Đường dẫn đến nội dung liên quan trên Cổng/trang TTĐT	(5)			
7.6.6	Thường xuyên cập nhật tin, bài hoạt động của cơ quan (bình quân 10 tin, bài/tháng)	- <i>Cập nhật đầy đủ, kịp thời: Điểm tối đa</i> - <i>Cập nhật không đầy đủ, kịp thời: 0 điểm</i>	Đường dẫn đến nội dung liên quan trên Cổng/trang TTĐT	(5)			
8	Kinh tế số			40			
8.1	Nghị quyết, chỉ thị của cấp ủy có nội dung, nhiệm vụ cụ thể về kinh tế số, chuyển đổi số cho doanh nghiệp và tổ chức kinh tế	- <i>Có thực hiện: Điểm tối đa</i> - <i>Không thực hiện: 0 điểm</i>	Văn bản, tài liệu chứng minh	10			
8.2	Có chương trình, đề án, kế hoạch của xã, thị trấn hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp ngành nghề truyền thống, doanh nghiệp sản xuất chuyên đổi số, phát triển kinh doanh số	- <i>Có thực hiện: Điểm tối đa</i> - <i>Không thực hiện: 0 điểm</i>	Văn bản, tài liệu chứng minh	10			
8.3	Tuyên truyền, thúc đẩy, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp tiếp cận, sử dụng các nền tảng số	- <i>Đã triển khai: Điểm tối đa.</i> - <i>Chưa triển khai: 0 điểm.</i>	Văn bản, tài liệu chứng minh	10			
8.4	Tỷ lệ doanh nghiệp nền tảng số, công nghệ số trên địa bàn xã/Tổng số doanh nghiệp trên địa bàn	<i>Tỷ lệ * Điểm tối đa</i>	Văn bản, tài liệu chứng minh	10			

TT	Chỉ số chính/Chỉ số thành phần/Tiêu chí	Cách tính điểm	Tài liệu chứng minh	Điểm tối đa	Tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
9	Xã hội số			90			
9.1	Nghị quyết, chỉ thị, chiến lược của cấp ủy có nội dung, nhiệm vụ cụ thể về xã hội số, chuyển đổi số cho người dân	- Có thực hiện: <i>Điểm tối đa</i> - Không thực hiện: <i>0 điểm</i>	Văn bản, tài liệu chứng minh	10			
9.2	Điểm giải đáp thắc mắc và hỗ trợ người dân về chuyển đổi số và công nghệ số	- Có thực hiện: <i>Điểm tối đa</i> - Không thực hiện: <i>0 điểm</i>	Văn bản, tài liệu chứng minh	10			
9.3	Tỷ lệ hộ gia đình trên địa bàn xã, thị trấn có sử dụng Internet/Tổng số hộ gia đình	<i>Tỷ lệ * Điểm tối đa</i>	Văn bản, tài liệu chứng minh	10			
9.4	Cơ sở y tế cấp xã có kết nối hỗ trợ tư vấn khám chữa bệnh từ xa	- Có: <i>Điểm tối đa</i> - Không có: <i>0 điểm</i>	Văn bản, tài liệu chứng minh	10			
9.5	Tỷ lệ nông dân được tập huấn, đào tạo ứng dụng công nghệ số trong sản xuất nông nghiệp và cách thức quảng bá, bán sản phẩm trên mạng/Tổng số nông dân trên địa bàn	<i>Tỷ lệ * Điểm tối đa</i>	Văn bản, tài liệu chứng minh	10			
9.6	Hợp tác xã nông nghiệp có hoạt động thương mại điện tử, ứng dụng nông nghiệp thông minh	- Có: <i>Điểm tối đa</i> - Không có: <i>0 điểm</i>	Văn bản, tài liệu chứng minh	10			
9.7	Tỷ lệ cơ sở giáo dục ứng dụng công nghệ số trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập/Tổng số cơ sở giáo dục trên địa bàn	<i>Tỷ lệ * Điểm tối đa</i>	Văn bản, tài liệu chứng minh	10			
9.8	Tỷ lệ người dân được tập huấn, phổ biến kiến thức về bảo vệ thông tin, dữ liệu cá nhân trên không gian mạng/Tổng số người dân trên địa bàn	<i>Tỷ lệ * Điểm tối đa</i>	Văn bản, tài liệu chứng minh	10			

TT	Chỉ số chính/Chỉ số thành phần/Tiêu chí	Cách tính điểm	Tài liệu chứng minh	Điểm tối đa	Tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
9.9	Chợ trên địa bàn xã, thị trấn triển khai giải pháp thanh toán không dùng tiền mặt	- Có: <i>Điểm tối đa</i> - Không có: <i>0 điểm</i>	Văn bản, tài liệu chứng minh	10			
10	Chi ngân sách nhà nước			40			
10.1	Tổng chi ngân sách nhà nước cho chính quyền số trên tổng chi ngân sách trong năm (Chi đầu tư phát triển + Chi thường xuyên)	- Từ 1% trở lên: <i>Điểm tối đa</i> - Dưới 1%: <i>Tỷ lệ</i> * <i>Điểm tối đa</i>	Văn bản, tài liệu chứng minh	10			
10.2	Tỷ lệ chi ngân sách nhà nước cho kinh tế số (như hỗ trợ phát triển hạ tầng, phát triển các lĩnh vực kinh tế số, ...) trên tổng chi ngân sách trong năm (Chi đầu tư phát triển + Chi thường xuyên)	- Từ 1% trở lên: <i>Điểm tối đa</i> - Dưới 1%: <i>Tỷ lệ</i> * <i>Điểm tối đa</i>	Văn bản, tài liệu chứng minh	10			
10.3	Tỷ lệ chi ngân sách nhà nước cho xã hội số trên tổng chi ngân sách trong năm (Chi đầu tư phát triển + Chi thường xuyên)	- Từ 1% trở lên: <i>Điểm tối đa</i> - Dưới 1%: <i>Tỷ lệ</i> * <i>Điểm tối đa</i>	Văn bản, tài liệu chứng minh	10			
10.4	Tỷ lệ chi ngân sách nhà nước cho an toàn thông tin mạng trên tổng chi ngân sách trong năm (Chi đầu tư phát triển + Chi thường xuyên)	- Từ 1% trở lên: <i>điểm tối đa</i> - Dưới 1%: <i>Tỷ lệ</i> * <i>Điểm tối đa</i>	Văn bản, tài liệu chứng minh	10			